

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2022

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Thạc sĩ

Ngành: Mỹ Thuật Ứng Dụng

Khóa: 2022 – 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 452b/QĐ-DHVL, ngày 01 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng	
Bậc trình độ theo khung trình độ quốc gia Việt Nam	
Bậc 7	
Đơn vị cấp bằng	Đơn vị giảng dạy
Trường Đại học Văn Lang	Trường Đại học Văn Lang
Khoa quản lý	
Mỹ thuật và Thiết kế	
Trang thông tin điện tử của khoa	

<https://saudaihoc.vanlanguni.edu.vn/vi/dao-tao/dao-tao-thac-si/thac-si-my-thuat-ung-dung>

Tên văn bằng

Thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng

Mã ngành đào tạo

8210410

Điều kiện tuyển sinh

Ngành Thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng tuyển sinh theo phương thức Xét tuyển

Thời gian và hình thức đào tạo

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng	18 – 24 tháng	Chính quy tập trung	Tháng 2/2022	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thực tập thực tế

Ngôn ngữ giảng dạy chính

Tiếng Việt

Ngôn ngữ dùng để đánh giá

Tiếng Việt

2. Chương trình được kiểm định theo tiêu chuẩn của tổ chức

3. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm – Học vị	Số lượng			Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	
1	Giáo sư	1			1
2	Phó giáo sư	5			5
3	Tiến sĩ	5	2		7
4	Thạc sĩ	63	10		73
TỔNG CỘNG					86

4. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Giám đốc sáng tạo tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế
- Chuyên gia thiết kế, phục vụ cho các cơ quan doanh nghiệp
- Tạo lập công ty và xây dựng thương hiệu design riêng
- Cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu tại các viện, các sở, và các cơ quan giáo dục trong và ngoài nước.

5. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

5a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo

Thông qua học tập trải nghiệm, đào tạo con người có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có đạo đức, có sức ảnh hưởng và đóng góp tích cực cho sự phát triển cá nhân và cộng đồng.

5b. Mục tiêu của CTĐT

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng có trình độ chuyên môn cao, phương pháp tư duy hệ thống, có kiến thức khoa học cơ bản và Kỹ thuật cơ sở vững chắc, có khả năng làm chủ khoa học và công nghệ liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng, có đủ năng lực giải quyết những vấn đề thực tiễn của Design, đồng thời có khả năng nghiên cứu, thiết kế độc lập, theo nhóm, điều hành, quản lý và triển khai tốt đối với các dự án thiết kế, trong môi trường hội nhập Quốc tế.

5c. Chuẩn đầu ra của CTĐT	
Kiến thức:	
PLO 1	Nắm vững kiến thức chuyên sâu về phương pháp luận lịch sử, khoa học, trong lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng, có khả năng nghiên cứu ở các viện thiết kế, các trung tâm và cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học và cao đẳng trên cả nước.
Kỹ năng:	
PLO 2	Nâng cao khả năng phân tích, xử lý và giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực thiết kế Mỹ thuật ứng dụng, độc lập trong nghiên cứu, sáng tạo, tự tin, thể hiện các hình thức nghệ thuật, khám phá, tìm tòi, áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào trong quá trình thực hiện sản phẩm.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 3	Nhận thức đúng đắn vai trò quan trọng của người làm công việc thiết kế, là người tạo ra những sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị thẩm mỹ, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, chính trị xã hội của đất nước.
5.d. Những đặc điểm khác của CTĐT	
i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa (CTĐT có những giải pháp gì để thúc đẩy khả năng quốc tế hóa và khuyến khích sinh viên giao lưu văn hóa?)	

Đào tạo thạc sỹ Mỹ thuật Ứng dụng có tư duy phân biện, có tầm nhìn chiến lược, trong môi trường thiết kế sản phẩm, giàu ý tưởng, thành thạo kỹ năng và kiến thức chuyên môn, có thể làm việc chuyên nghiệp trong môi trường đa văn hóa. Người học có kỹ năng ứng dụng lý thuyết thực tiễn vào trong thiết kế sáng tạo, linh hoạt trong việc cải tiến và sáng tạo sản phẩm, biết tích hợp các giá trị khoa học và công nghệ mới, có thể quản lý thiết kế và định hướng phát triển sản phẩm, trong môi trường hợp tác liên ngành và hiện đại. Có năng lực nghiên cứu, phân tích đánh giá quá trình thiết kế sản phẩm với nhóm, hoặc độc lập và ứng dụng khoa học công nghệ, để tạo ra các sản phẩm vì lợi ích cộng đồng và phát triển.

ii) Các vấn đề khác (Tính bình đẳng, đa dạng, đầy đủ được tích hợp như thế nào khi thiết kế, xây dựng nội dung và triển khai CTĐT)

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả học viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

6. Ma trận chức năng (mức độ đóng góp của các học phần cho các PLOs):

Ma trận CTĐT theo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức		Kỹ năng		Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				PLO 1		PLO 2		PLO 3		
				PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI3.3
1	81PHIL6013	Philosophy (Triết học)	3	I			M		M	
2	81SRME7023	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific research method</i>	3	I	I	R	M	R		M

3	81EACU7033	Văn hóa dân tộc học nghệ thuật <i>Ethnology for artistic culture</i>	3	I	M	M	M		R	M
4	81ARTS7043	Mỹ thuật học <i>Aesthetics</i>	3	I	I	M	R	R	M	M
5	81SODE7053	Thiết kế cộng đồng <i>Social design</i>	3	R			R	M	M	M
6	81UEDE7063	Thiết kế trải nghiệm người dùng <i>User experience design</i>	3	I	R	R	M	M		M
7	81MSHA7073	Phương pháp nghiên cứu lịch sử Mỹ thuật <i>Methods of studying history of arts</i>	3	I	R	I	R	M	M	M
8	81PSDE7083	Tâm lý thiết kế <i>Psychology of design</i>	3	I	M	I		I	M	M
9	81INME7093	Phương tiện truyền thông tích hợp <i>Integrated media</i>	3	R	I	M	I	R	I	M

10	81INDE7103	Thiết kế sản phẩm tương tác <i>Interaction design</i>			R		I		R	R
11	81TEMA7113	Công nghệ và chất liệu <i>Technology and materials</i>	3	I	R	R		R	M	M
12	81DETH7123	Tư duy thiết kế <i>Design thinking</i>	3	M	R	M	R	R	M	M
13	81CRME7132	Phương pháp luận sáng tạo <i>Creativity methodology</i>	2	I	R	M	R	R	M	M
14	81TVCU7142	Lý thuyết văn hóa thị giác <i>Theory of visual culture</i>	2	I	I	I	I	M	R	M
15	81PRTH7152	Cơ sở lý luận đề tài <i>Premise of thesis</i>	2	I	R	R	I	M	I	M
16	81PRDE7163	Phát triển sản phẩm <i>Product development</i>	3	I	I	R	I	R	R	M
17	81DAAN7173	Phân tích dữ liệu <i>Data analysis</i>	3	M	R	R	I	R	R	R

18	81CODE7183	Thiết kế đương đại <i>Contemporay design</i>	3	I	I		M		I	M
19	81SUDE7193	Thiết kế bền vững <i>Sustainable design</i>	3	I	I	R	M	I	I	M
20	81PLTE7193	Workshop - Chuyên ngành thiết kế <i>Workshop - Specialized design</i>	3	I	M	R	M	R	M	M
21	81INTE7246	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	6	I		R	M	M	M	R
22	81MTGP7259	Luận văn thạc sĩ và đồ án tốt nghiệp <i>(Master's thesis and Graduation project)</i>	9	M	R	R	R		R	M

Ghi chú:

1. **Mức I (Introduced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI ở mức giới thiệu/bắt đầu.
2. **Mức R (Reinforced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu. Ở các HP này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế...
3. **Mức M (Mastery):** Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học đạt được PLO/PI ở mức thành thực/thành thạo.

7. Các chương trình và quy định được tham khảo

<p>7.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 7 – thạc sĩ). - Đối sánh CTĐT với các trường: <ul style="list-style-type: none"> + Trong nước: Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội

+ Nước ngoài: Đại học SHARDA, Đại học BOLTON

7b. Điều kiện tốt nghiệp

- Học viên tích lũy đủ 60 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); đạt yêu cầu ngoại ngữ đầu ra là chứng chỉ B2 (Anh văn) hoặc tương đương.
- Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
 - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
 - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
 - Khá: từ 2.50 đến 3.19
 - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

8. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

8.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	81SRME 7023	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific research method</i>	3	45	45				BB	Không		
2	1	81EACU 7033	Văn hóa dân tộc học nghệ thuật <i>Ethnology for artistic culture</i>	3	45	45					Không		
3	1	81ARTS 7043	Mỹ thuật học <i>Aesthetics</i>	3	45	45					Không		
4	2	81SODE 7053	Thiết kế cộng đồng <i>Social design</i>	3	60	30	30				Không		
5	2	81UEDE	Thiết kế trải nghiệm người dùng	3	60	30	30				Không		

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
		7063	<i>User experience design</i>										
6	2	81MSHA 7073	Phương pháp nghiên cứu lịch sử Mỹ thuật <i>Methods of studying history of arts</i>	3	60	30	30				Không		
7	2	81PSDE 7083	Tâm lý thiết kế <i>Psychology of design</i>	3	60	30	30				Không		
8	2	81INME 7093	Phương tiện truyền thông tích hợp <i>Integrated media</i>	3	60	30	30				Không		
9	3	81INDE 7103	Thiết kế sản phẩm tương tác <i>Interaction design</i>	3	60	30	30				Không		
10	3	81TEMA 7113	Công nghệ và chất liệu <i>Technology and materials</i>	3	60	30	30				Không		
11	3	81DETH 7123	Tư duy thiết kế <i>Design thinking</i>	3	45	45					Không		
12	3	81CRME 7132	Phương pháp luận sáng tạo <i>Creativity methodology</i>	2	30	30					Không		
13	3	81TVCU 7142	Lý thuyết văn hóa thị giác <i>Theory of visual culture</i>	2	30	30					Không		
14	4	81PRTH 7152	Cơ sở lý luận đề tài <i>Premise of thesis</i>	2	30	30					Không		
15	4	81PRDE 7163	Phát triển sản phẩm <i>Product development</i>	3	60	30	30				Không		
16	4	81DAAN 7173	Phân tích dữ liệu	3	60	30	30				Không		

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
			<i>Data analysis</i>										
17	4	81CODE 7183	Thiết kế đương đại <i>Contemporay design</i>	3	60	30	30				Không		
18	5	81SUDE 7193	Thiết kế bền vững <i>Sustainable design</i>	3	60	30	30				Không		
19	5	81SPDE 7203	Workshop - Chuyên ngành thiết kế <i>Workshop - Specialized design</i>	3	60	30	30				Không		
20	5	81INTE 7246	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	6	180		180				Không		
21	6	81MTGP7259	Luận văn thạc sĩ và đồ án tốt nghiệp (Master's thesis and Graduation project)	9							Không		

8.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific research method</i>	3	Môn học này được tổ chức trong 4 chương. Chương 1: trình bày tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học. Chương 2 nêu quy trình và kỹ thuật xây dựng công trình nghiên cứu khoa học như phương pháp phát hiện vấn đề và đặt giả thuyết, phương pháp thu thập và viết tổng quan tài liệu, phương pháp viết đề cương nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp trình bày và phân tích dữ liệu, phương pháp viết luận án tốt nghiệp, phương pháp viết và công bố bài báo khoa học, phương pháp thuyết trình kết quả nghiên cứu, quy

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			trình xây dựng nhóm nghiên cứu hiệu quả. Chương 3 thảo luận về đạo đức trong nghiên cứu khoa học. Chương 4 thảo luận về rèn luyện kỹ năng mềm trong nghiên cứu khoa học.
2	Văn hóa dân tộc học nghệ thuật <i>Ethnology for artistic culture</i>	3	Môn học này được tổ chức trong 3 chương. Chương 1 trình bày tổng quan về Văn hóa học dưới góc nhìn của tri thức xã hội và tri thức nhân văn. Chương 2 nêu những vấn đề thuộc về Văn hóa học nghệ thuật để thấy nghệ thuật là một chuyên ngành của Văn hóa học được biểu hiện thông qua một số loại hình nghệ thuật như nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật biểu diễn, nghệ thuật tạo hình và làm rõ văn hóa học nghệ thuật học là một bộ môn khoa học độc lập trong đó độc lập về văn hóa, kinh tế, xã hội. Chương 3 Từ góc nhìn ứng dụng trong Văn hóa học nghệ thuật để nhìn nhận bản sắc dân tộc trong Văn hóa học nghệ thuật, sự giao thoa, tiếp biến trong Văn hóa học nghệ thuật và giá trị Văn hóa học trong tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật ứng dụng.
3	Mỹ thuật học <i>Aesthetics</i>	3	Đây là môn học có tính nền tảng cơ bản dành cho người học ngành nghệ thuật nói chung và ngành mỹ thuật nói riêng về các khái niệm nghệ thuật và mỹ thuật. Quan niệm về cái đẹp trong lịch sử nhân loại cũng như bản chất, vai trò và chức năng của mỹ thuật trong đời sống xã hội. Học phần gồm 3 chương - Chương 1 trình bày tổng quan về nghệ thuật và mỹ thuật. Nêu rõ khái niệm về nghệ thuật, về mỹ thuật, nêu quan niệm về cái đẹp trong nghệ thuật và các loại hình nghệ thuật. Chương 2 hiểu được nguyên lý cảm thụ mỹ thuật trong đó nêu rõ nghệ thuật thị giác và các yếu tố thị giác. Chương 3 nắm được chức năng và vai trò của mỹ thuật trong đời sống xã hội.
4	Thiết kế cộng đồng <i>Social design</i>	3	Môn học này được tổ chức dưới hình thức đồ án thiết kế trải nghiệm workshop. Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng cơ bản về thiết kế đồ họa phục vụ cộng đồng, môn học có tính trải nghiệm và ứng dụng thực tiễn, đồng thời hướng đến mục tiêu người dùng làm trung tâm, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống. Người học có khả năng thiết kế, xây dựng và điều hành các dự án thiết kế, nhằm đưa các giải pháp thiết kế đồ họa môi trường, đến gần hơn với thực tiễn, phục vụ tốt đời sống an sinh xã hội. Ngoài ra người học có khả năng tư duy sáng tạo, có kỹ năng đàm phán, thuyết phục và

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			kỹ năng điều hành làm việc nhóm. Xác định và đưa ra giải pháp sử dụng các công cụ đồ họa cải thiện thẩm mỹ cho phục vụ cộng đồng.
5	Thiết kế trải nghiệm người dùng <i>User experience design</i>	3	Thiết kế đồ án trải nghiệm cho một dự án hay một đề tài đồ lấy người dùng làm trung tâm. Vận dụng kỹ năng khảo sát tư duy phân tích, áp dụng các nguyên lý thiết kế vào mục tiêu trải nghiệm trong môi trường thực tế của người dùng. Mục tiêu học viên phải trải nghiệm thực tế người dùng để đưa ra các yêu cầu của thiết kế, đề xuất giải pháp thiết kế hợp lý và hiệu quả.
6	Phương pháp nghiên cứu lịch sử Mỹ thuật <i>Methods of studying history of arts</i>	3	Đây là môn học mang tính lý thuyết giúp học viên tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của môn khoa học Lịch sử mỹ thuật. Học phần gồm 3 chương. Chương 1 là trình bày về lược sử quá trình hình thành và phát triển của khoa học Lịch sử mỹ thuật. Chương 2 hiểu được mối quan hệ giữa mỹ thuật và đời sống xã hội. Chương 3 Vận dụng những kinh nghiệm nhất là trong phương pháp nghiên cứu, các tài liệu, các học viên sẽ tiến hành nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của mỹ thuật thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.
7	Tâm lý thiết kế <i>Psychology of design</i>	3	Môn học là nhằm giúp các học viên nắm vững các kiến thức cơ bản, về Tâm lý thiết kế là gì? Dùng phương pháp luận để đánh giá tâm lý thiết kế, xây dựng kịch bản tâm lý, vận dụng các yếu tố và các nguyên tắc tác động của tâm lý thiết kế, đến ý tưởng thiết kế, sản phẩm thiết kế, công trình thiết kế, từ đó giúp nhà thiết kế đề xuất các giải pháp phù hợp, phục vụ tối ưu cho các thiết kế ứng dụng và có ích cho cộng đồng xã hội.
			Học phần gồm 3 chương: Chương 1 cung cấp các khái niệm về tâm lý học, tâm lý thiết kế, Vai trò và các yếu tố trong tâm lý thiết kế. Chương 2 giới thiệu các nguyên tắc trong tâm lý thiết kế. Chương 3 cung cấp phương pháp đánh giá và xây dựng kịch bản tâm lý thiết kế. Chương 4 trình bày các giải pháp ứng dụng tâm lý thiết kế trong các công trình, sản phẩm, dự án mang tính cộng đồng...
8	Phương tiện truyền thông tích hợp <i>Integrated media</i>	3	Học phần trang bị cho học viên, những kiến thức và xu hướng thiết kế truyền thông tích hợp, các khái niệm về truyền thông, trong thời kỳ công nghiệp kỹ thuật số, và xu hướng tiếp cận của truyền thông với thiết kế dịch vụ. Đồng thời đề ra những mục tiêu phát triển truyền thông tương tác, xây dựng chiến lược truyền thông cộng đồng, bằng các công cụ tích hợp hiện đại, phát triển và vận hành linh hoạt một số dự án, hoạt động truyền thông và trải nghiệm thực

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			tiến. Mở rộng phạm vi hoạt động truyền thông cộng đồng bằng các phương tiện truyền thông tích hợp trong thế kỷ 21.
9	Thiết kế sản phẩm tương tác <i>Interaction design</i>	3	Người học phân biệt và nhận dạng được, bản chất của thiết kế tương tác, cũng như vai trò và tầm quan trọng của nó, trong phục vụ cộng đồng và đời sống an sinh xã hội, lấy tiện ích người dùng, làm mục tiêu tối thượng, trong thiết kế sản xuất, đặc biệt là trong thiết kế công nghiệp và dịch vụ thương mại tiêu dùng. Người học có khả năng xây dựng, phát triển, và điều hành các dự án thiết kế tương tác, đưa các dự án thiết kế tương tác, đến gần hơn với thực tiễn. Ngoài ra học viên còn có khả năng tư duy sáng tạo, có kỹ năng làm việc nhóm, có ý thức đạo đức nghề nghiệp, có khát vọng cống hiến, và có mục tiêu xây dựng thiết kế tương tác bền vững.
10	Công nghệ và chất liệu <i>Technology and materials</i>	3	Mục tiêu của môn học là nhằm giúp các học viên được trang bị các kiến thức cơ bản và nâng cao về các chất liệu trong thiết kế ứng dụng; các tính chất và đặc tính nhận biết các loại chất liệu khác nhau và những ứng dụng chính của chúng. Hiểu rõ sự phát triển các xu hướng và công nghệ chất liệu trong hiện tại và tương lai, từ đó người học có khả năng thực nghiệm ứng dụng, nghiên cứu và sáng tạo chất liệu đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực thiết kế, nhu cầu xã hội. Môn học gồm các nội dung sau: Chương 1 Giới thiệu chung về chất liệu trong thiết kế ứng dụng, Chương 2: Các đặc tính của chất liệu ứng dụng cho thiết kế, Chương 3: Chất liệu xu hướng công nghệ xanh, Chương 4: Chất liệu mới và công nghệ. Sau mỗi chương học viên sẽ có câu hỏi thảo luận trên lớp, và đọc tài liệu trước ở nhà nhằm chuẩn bị kiến thức cho các buổi học sau.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
11	Tư duy thiết kế <i>Design thinking</i>	3	Học phần trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và phương pháp tư duy sáng tạo trong thiết kế, dưới góc nhìn đa chiều của tư duy thiết kế phản biện. Đồng thời trong học phần này, học viên cũng được tìm hiểu về các phương pháp sáng tạo, từ khoa học hàn lâm, đến các biến thể của tư duy sáng tạo hiện đại, qua đó giúp người học, đề ra những giải pháp mới, mang tính đột phá, nhằm tạo ra những sản phẩm có tính ứng dụng thực tiễn, đáp ứng nhu cầu an sinh xã hội.
12	Phương pháp luận sáng tạo <i>Creativity methodology</i>	2	Môn học này được tổ chức trong 3 chương. Chương 1 trình bày tổng quan về khả năng sáng tạo nghệ thuật của con người để thấy được khả năng tư duy, quá trình hình thành sáng tạo nghệ thuật của mỗi con người. Chương 2 nêu Phương pháp luận sáng tạo nghệ thuật đó là hệ thống cơ sở lý luận cho phương pháp nghiên cứu, sáng tạo để tìm kiếm, xây dựng, lựa chọn, vận dụng các phương pháp cũng như trong việc xác định phạm vi, khả năng áp dụng các phương pháp sáng tạo nghệ thuật cho phù hợp với mục tiêu đặt ra. Chương 3 thảo luận về sáng tạo nghệ thuật và tự do trong sáng tạo nghệ thuật nhằm đạt được kết quả sáng tác tốt nhất và phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội.
13	Lý thuyết văn hóa thị giác <i>Theory of visual culture</i>	2	Lý thuyết chung về văn hóa thị giác dựa trên lịch sử nghệ thuật, mỹ học, tâm lý học nhận thức, triết học quy chiếu và khoa học thị giác, cũng như các nghiên cứu văn hóa thị giác trong lịch sử, xã hội học và nhân chủng học. Nó cung cấp các định nghĩa mới về hình thức, phong cách và hình tượng, đồng thời rút ra các kết luận quan trọng và đôi khi gây ngạc nhiên (ví dụ: tầm nhìn không phải lúc nào cũng đạt được đối với văn hóa thị giác và văn hóa thị giác không phải lúc nào cũng có thể nhìn thấy hoàn toàn). Cuốn sách sử dụng các ví dụ từ nhiều truyền thống văn hóa khác nhau, từ tiền sử đến thế kỷ XX, để hỗ trợ một lý thuyết được thiết kế để áp dụng cho tất cả các truyền thống tạo tác và tranh ảnh của loài người - nghĩa là văn hóa thị giác như một hiện tượng trên toàn thế giới.
14	Cơ sở lý luận đề tài <i>Premise of thesis</i>	2	Đây là một môn học lý thuyết, trong đó các học viên được học các phương pháp xây dựng phân lý luận nền tảng cho một đề tài nghiên cứu, bao gồm việc đặt ra các câu hỏi nghiên cứu, khoanh vùng xác định phạm vi đề tài, lập kế hoạch các bước tiến hành nghiên cứu, lập luận về tính khả thi và ý nghĩa khoa học của đề tài, và báo cáo kế hoạch về đề tài. Các kiến thức được học trong môn học này được kiểm tra qua bản báo cáo kế hoạch thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
15	Phát triển sản phẩm <i>Product development</i>	3	Môn học được xây dựng và phân bổ gồm các nội dung sau: Chương 01: Giới thiệu tổng quan về phương pháp thiết kế sản phẩm. Chương 02: Nghiên cứu cơ sở và điều kiện phát triển sản phẩm. Chương 03: Các yếu tố hỗ trợ quá trình phát triển sản phẩm. Chương 04: Lên ý tưởng, xây dựng kế hoạch và triển khai phương án thực hiện. Sau mỗi chương, học viên sẽ có câu hỏi thảo luận trên lớp, đọc và nghiên cứu tài liệu, lập kế hoạch, phác thảo thiết kế trước ở nhà, nhằm chuẩn bị kiến thức cho các buổi học sau.
16	Phân tích dữ liệu <i>Data analysis</i>	3	Môn học nhằm trang bị cho người học kiến thức lý thuyết cơ bản về việc lập các mô hình hồi qui, mô hình cấu trúc tuyến tính, mô hình dự báo chuỗi thời gian, mô hình tài chính và các công cụ thống kê được dùng cho bài toán ra quyết định trong quản lý, tài chính, và kinh tế đồng thời giúp người học có thể sử dụng các phần mềm thống kê chuyên dùng SPSS, AMOS, Eview cho việc phân tích dữ liệu sơ cấp và thứ cấp.
17	Thiết kế đương đại <i>Contemporay design</i>	3	Môn học là nhằm giúp các học viên nắm vững những kiến thức lý thuyết chuyên sâu có tính hệ thống về lịch sử phát triển của nghệ thuật đương đại ảnh hưởng thiết kế đương đại. Nhận thức được sự phát triển mang tính qui luật của lịch sử nghệ thuật. Từ đó học viên có khả năng tổng hợp và phân tích các vai trò giá trị của trào lưu, xu hướng nghệ thuật một cách khoa học. Giải quyết các vấn đề, đề tài nghiên cứu mang tính lịch sử, xu hướng và làm cơ sở sáng tạo trong lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng. Môn học gồm các nội dung sau: Chương 1: Tổng quan về nguồn gốc lịch sử Nghệ thuật, Mỹ thuật, Chương 2: Nền nghệ thuật đương đại phương Tây, Chương 3: Nền nghệ thuật đương đại phương Đông, Chương 4: Thiết kế đương đại
18	Thiết kế bền vững <i>Sustainable design</i>	3	Môn học gồm các nội dung sau: Chương 1 Tổng quan về môi trường, Chương 2: Thiết kế xanh - Hướng tiếp cận của thiết kế bền vững, Chương 3: Các yếu tố hình thành xu hướng thiết kế bền vững, Chương 4: Sáng tạo trong thiết kế bền vững... Sau mỗi chương học viên sẽ có câu hỏi thảo luận trên lớp, và đọc tài liệu trước ở nhà nhằm chuẩn bị kiến thức cho các buổi học sau.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
19	Workshop - Chuyên ngành thiết kế <i>Workshop - Specialized design</i>	3	Đây là một môn học bao gồm cả lý thuyết và thực hành. Trong môn học này, học viên được tham gia thực hiện một dự án nghiên cứu thực tế cụ thể, có sản phẩm báo cáo sau khi đã được hỗ trợ các phương pháp nghiên cứu phù hợp với nội dung dự án, hỗ trợ kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác liên ngành. Tùy theo tình hình thực tế mỗi năm, dự án có thể có sự hợp tác với doanh nghiệp tư nhân hoặc cơ quan nhà nước chủ quản, hoặc các nhiệm vụ nghiên cứu do nhà trường hoặc chính học viên tự đặt ra, có thể có sự hợp tác với các cơ sở đào tạo khác, được thực hiện tại Tp.HCM hoặc tỉnh thành khác, trong nước hoặc nước ngoài.
20	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	6	Học phần thực tập doanh nghiệp, nhằm giúp cho sinh viên tiếp cận và làm quen với quy trình quản lý và thiết kế, văn hóa doanh nghiệp, vận hành dây chuyền sản xuất và cách thức quản lý dự án Thiết kế chuyên nghiệp.
21	Luận văn thạc sĩ và đồ án tốt nghiệp (<i>Master's thesis and Graduation project</i>)	9	Các hướng nghiên cứu tập trung vào 07 lĩnh vực chính: (1) lĩnh vực lịch sử của nghệ thuật và Mỹ thuật ứng dụng, (2) lĩnh vực điều hành và quản lý các công trình, đề án Mỹ thuật hoặc có hạng mục Mỹ thuật, (3) lĩnh vực Thiết kế Đồ họa (4) lĩnh vực Thời trang, (5) lĩnh vực Trang trí Nội thất, (6) lĩnh vực Thiết kế Tạo dáng và (7) lĩnh vực Nghệ thuật truyền thông tương tác.

8.c. Tổ chức thực hiện chương trình và thiết kế đánh giá

i) Giảng dạy và học tập
<ul style="list-style-type: none">- 70% học trực tiếp- 30% học trực tuyến /- Gặp trực tiếp: giờ lên lớp, giờ trực chuyên môn tại văn phòng khoa;- Gặp gián tiếp thông qua các phương tiện nghe nhìn: trang học trực tuyến;
ii) Tự học và trải nghiệm thực tế
<ul style="list-style-type: none">- Học viên được giảng viên giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo file PDF hoặc trong thư viện để tự học, tự nghiên cứu. Học viên cũng sử dụng hệ thống học trực tuyến để sử dụng các tài nguyên kỹ thuật số và tạo điều kiện thuận tiện cho việc tự học ngoài lớp.- Các hoạt động thực tập, kiến tập tại các doanh nghiệp tạo cơ hội cho học viên trải nghiệm thực tế trong nước và nước ngoài
iii) Các phương pháp đánh giá
Tự luận, trắc nghiệm khách quan, dự án, đồ án...

9. Học tập trải nghiệm qua công việc thực tế

9.a. CTĐT có tạo cơ hội học tập qua công việc thực tế hay không? Mục đích của những hoạt động này là gì?
CTĐT đã thiết kế thời gian thực hành, thực tập cuối khóa tại các doanh nghiệp để học viên thực hành công việc thực tế đúng chuyên ngành được đào tạo. Mục tiêu của các học phần thực hành, thực tập là để giúp học viên có cơ hội trải nghiệm, rèn luyện khả năng xác định vấn đề và giải quyết vấn đề chuyên môn trong thực tế công việc.
9.b. Trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp là hoạt động bắt buộc hay tùy chọn?

Chương trình đào tạo có các học phần Thiết kế cộng đồng để tăng cường khả năng thiết kế, xây dựng và điều hành các dự án thiết kế, nhằm đưa các giải pháp thiết kế đồ họa môi trường, đến gần hơn với thực tiễn, phục vụ tốt đời sống an sinh xã hội. Ngoài ra người học có khả năng tư duy sáng tạo, có kỹ năng đàm phán, thuyết phục và kỹ năng điều hành làm việc nhóm. Xác định và đưa ra giải pháp sử dụng các công cụ đồ họa cải thiện thẩm mỹ cho phục vụ cộng đồng.

9.c. Tổ chức quản lý các khóa học trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp (nếu có)

Phó Trưởng khoa phụ trách chương trình SDH của ngành chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý các khóa học trải nghiệm/ thực tập tại các Doanh nghiệp. Ngoài ra, GV phụ trách Chương trình hướng dẫn học viên tham dự và báo cáo tại các Hội thảo Quốc tế trong và ngoài nước.

9.d. Thời gian của học phần thực tập doanh nghiệp/ thực tế (hoặc học kỳ doanh nghiệp, nếu có)

Thời gian thực tập tại các Doanh nghiệp dài từ 45 giờ.

10. Đóng góp của những người ngoài trường

Nhiều Giáo sư, PGS, giảng viên từ các trường Đại học danh tiếng đơn vị hợp tác MOU với cơ sở đào tạo và các đơn vị trong và ngoài nước tham gia giảng dạy chương trình, giúp học viên khai mở các kiến thức mới trong chuyên ngành.

11. Học viên/ Cựu học viên tham gia xây dựng và phát triển CTĐT (Làm thế nào học viên đang học hoặc cựu học viên tham gia vào việc góp ý xây dựng và phát triển CTĐT)

Học viên có thể góp ý về phương pháp giảng dạy của các giảng viên và Chương trình đào tạo tại các buổi học trực tiếp, hoặc mỗi khi GV phụ trách Chương trình sinh hoạt lớp.

Thông qua việc khảo sát/ phỏng vấn để lấy ý kiến đóng góp của học viên/ cựu học viên cho việc xây dựng CTĐT.

12. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

12.a. Học viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể
12.b. Học viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể
12.c. Cơ hội học tiếp tục	

Sau khi tốt nghiệp học viên có thể học tiếp tiến sĩ hoặc tham gia học các ngành Thạc sĩ khác tùy theo lĩnh vực yêu thích và yêu cầu đầu vào của từng ngành

13. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với môi trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

1. Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;
2. Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp, trường Đại học trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo “Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm”;
3. Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với học viên;
4. Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;
5. Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của học viên và các bên liên quan.

DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG



* PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

TRƯỞNG KHOA

ThS. Phan Quân Dũng